TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔ LƯƠNG** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26-6-2019
V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thể

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Văn Hào

Bà Trần Thị Minh Hợi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày *26* tháng *6* năm *2019* tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số *78/2019*/TLST-*HNGĐ* ngày *21* tháng 3 năm *2019* về *ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số *44/2019/*QĐXXST-HNGĐ ngày *30* tháng *5* năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2019/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị H - sinh năm 1982.

Địa chỉ: Xóm 06, xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn T - sinh năm 1978

Địa chỉ: Xóm 06, xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 01/3/2019, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn chị Dương Thị H trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn ngày 22/02/2005 tại UBND xã T,

huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống bình thường và vào thành phố Hồ Chí Minh làm ăn. Đến năm 2013 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T không lo làm ăn, thường xuyên cờ bạc, rượu chè, chửi bới, đánh đập vợ. Đến năm 2018, hai vợ chồng và con về sống với mẹ đẻ chị H được một thời gian ngắn, do mâu thuẫn quá căng thẳng nên vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị H yêu cầu Toà án giải quyết:

- Ly hôn bị đơn anh Phạm Văn T;

- Con chung: có 03 con chung là Phạm Văn Đ, sinh ngày 19/6/2006; Phạm Dương Q, sinh ngày 09/4/2014 và Phạm Dương T, sinh ngày 04/11/2015. Các con chung trước đây ở với chị H. Cháu Q và cháu T ở với anh T từ tháng 09 năm 2018. Cháu Đ đang học tại trường tiểu học X, xã X, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An thì anh T đưa cháu về ở với anh T và học tại trường tiểu học xã T, huyện Đô Lương từ tháng 3 năm 2019. Hiện tại các con chung đang ở với anh T. Bản thân chị H không đồng ý việc anh T đưa các con chung về ở với anh T nhưng chị H không thể ngăn cản được vì sợ anh T. Khi các con chung sống với anh T, hàng tháng, chị H có chu cấp tiền để anh T nuôi dưỡng các con. Tuy nhiên được khoảng 02 đến 03 tháng, do anh T không chịu nhận nên chị H đã dừng việc chu cấp tiền. Chị H có một quán tạp hóa ở xã X, huyện Nam Đàn, thu nhập bình quân khoảng 08 triệu đồng/tháng. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung Phạm Dương Q và Phạm Dương T, giao con chung Phạm Văn Đ cho anh T trực tiếp nuôi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: vợ chồng không nợ cá nhân, tổ chức nào và nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Văn T không có mặt nên Tòa án không thu thập được lời khai của anh T.

Cháu Phạm Văn Đ là con chung của anh T và chị H có nguyện vọng được ở với anh T nếu như anh T và chị H ly hôn.

Quá trình xác minh tại UBND xã T, UBND xã T đã cung cấp thông tin với nội dung đúng như lời khai của chị H về thời gian và điều kiện kết hôn, phía chính quyền xã đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị áp dụng điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 51, 56, 81, 82, 83, Luật hôn nhân và gia đình: giải quyết cho chị Dương Thị H được ly hôn với anh Phạm Văn T; giao con chung Phạm Văn Đ cho anh T trực tiếp nuôi, giao con chung Phạm Dương Q và Phạm Dương T cho chị H trực tiếp nuôi, không xét vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung; không giải quyết tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] . Về tố tụng:

Đây là vụ án có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên khi ly hôn nên Tòa án tiến hành thu thập ý kiến của UBND xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp là phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã tiến hành Thông báo thụ lý vụ án, triệu tập bị đơn nhiều lần hợp lệ đến các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

Xét chị Dương Thị H và anh Phạm Văn T đăng ký kết hôn ngày 22/02/2005 tại UBND xã T, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại điều 9, điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy hôn nhân hợp pháp.

Chị H trình bày quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, anh T không tu chí làm ăn và thường rượu chè, cờ bạc, chửi bới, đánh đập chị H làm cho cuộc sống vợ chồng ngày càng lâm vào bế tắc. Mặc dù không thu thập được lời khai của anh T nhưng do hai vợ chồng đã ly thân một thời gian dài (từ năm 2018 đến nay), có thể thấy rằng cả hai đã vi phạm nghĩa vụ sống chung, thương yêu, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau theo quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở để khẳng định, hôn nhân giữa chị H và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho chị Dương Thị H ly hôn anh Phạm Văn T.

Về con chung: Có 03 con chung là Phạm Văn Đ, sinh ngày 19/6/2006; Phạm Dương Q, sinh ngày 09/4/2014 và Phạm Dương T, sinh ngày 04/11/2015.

Hiện tại các con chung đang ở với anh T. Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung Phạm Dương Q và Phạm Dương T, giao con chung Phạm Văn Đ cho anh T trực tiếp nuôi. Anh T không có nguyện vọng về vấn đề nuôi con. Con chung Phạm Văn Đ có nguyện vọng được ở với anh T để thuận lợi cho việc học tập và sinh hoạt. Cháu Đ sinh năm 2006, đã trên 07 tuổi. Xét thấy đây là nguyện vọng chính đáng nên căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình 2014 cần chấp nhận nguyện vọng của cháu, giao cháu Đ cho anh T trực tiếp nuôi.

Xét yêu cầu nuôi 2 con chung Phạm Dương Q và Phạm Dương T của chị H, Hội đồng xét xử thấy: hiện các cháu đang còn nhỏ, chưa thể tự lập trong sinh hoạt được; nguyện vọng nuôi con của chị H là chính đáng, thể hiện tình cảm, trách nhiệm của người mẹ đối với các con chung. Chị H có nơi ở và thu nhập ổn định, các cháu Q và T cũng đã sống cùng mẹ cho đến trước tháng 09/2018 mới chuyển về sống với bố. Việc chị H tự nguyện nuôi cháu Q và cháu T cũng phù hợp với việc đảm bảo điều kiện cho các con chung được chăm sóc tốt hơn. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu T và cháu Q cho chị H trực tiếp nuôi. Nguyên đơn không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: chị H không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa không có kiến nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

- Cho chị Dương Thị H ly hôn anh Phạm Văn T;

- Về con chung: giao con chung Phạm Văn Đ, sinh ngày 19/6/2006 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi; giao con chung Phạm Dương Q, sinh ngày 09/4/2014 và Phạm Dương T, sinh ngày 04/11/2015 cho chị Dương Thị H trực tiếp nuôi. Không giải quyết vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Người đang trông giữ con chung chưa thành niên có nghĩa vụ giao con chung cho người được Tòa án giao quyền nuôi con khi có yêu cầu thi hành án.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có

quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

Người trực tiếp nuôi con chung cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chung trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: không giải quyết.

- Về án phí: chị Dương Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005066 ngày 19/3/2019 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- UBND xã T;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Hồng Thể